

Số: /QĐ-UBND

Vân Hồ, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi đất để thực hiện dự án: Thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La (Phạm vi tuyến đường thuộc địa giới hành chính xã Vân Hồ, đợt 1, đoạn 1, 1,5km thuộc bản Suối Mực, bản Pà Puộc, xã Vân Hồ)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VÂN HỒ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 10/3/2024 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị Quyết số 372/NQHĐND ngày 29/8/2024 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án xây dựng các dự án giao thông trên địa bàn tỉnh (đợt 2) năm 2024; Nghị quyết số 2382/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh Sơn La về việc thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện của dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La, về việc phê duyệt Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh chủ đầu tư, hình thức quản lý dự án trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La ban hành Sổ tay hướng dẫn trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 275/TTr-KT ngày 10/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi đất của 43 hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án: Thành phần Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La (*Phạm vi tuyến đường thuộc địa giới hành chính xã Vân Hồ, đọt 1, đoạn 1,15km thuộc bản Suối Mực, bản Pà Puộc, xã Vân Hồ*), với các nội dung sau:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 177.329,2 m², trong đó:

*** Tổng diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ:** 177.329,2 m², trong đó:

- Diện tích đã được cấp GCNQSD đất: 37.330,6 m², gồm:

+ Đất nương rẫy và đất trồng cây hàng năm: 1.588,1 m²;

+ Đất ao nuôi trồng thủy sản: 65,0 m²;

+ Đất ở nông thôn: 1.442,3 m²;

+ Đất trồng rừng sản xuất: 34.235,2 m²;

- Diện tích chưa được cấp GCNQSD đất: 139.998,6 m², gồm:

+ Đất trồng cây hàng năm: 71.280,5 m²;

+ Đất trồng cây lâu năm: 67.732,7 m²;

+ Đất trồng lúa nước còn lại lúa 1 vụ: 102,8 m²;

+ Đất chuyên trồng lúa nước lúa 2 vụ: 437,7 m²;

+ Đất ao nuôi trồng thủy sản: 444,9 m²;

*** Tổng diện tích đất không được bồi thường, hỗ trợ:** 0 m²:

2. Địa điểm: Bản Suối Mực; bản Pà Puộc, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

3. Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án Thành phần Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa

bản tỉnh Sơn La (*Phạm vi tuyến đường thuộc địa giới hành chính xã Vân Hồ, đợt 1, đoạn 1, 15km thuộc bản Suối Mực, bản Pà Puộc, xã Vân Hồ*).

(*Có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo*)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sơn La chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế xã Vân Hồ giao Quyết định này đến các chủ sử dụng đất; trường hợp chủ sử dụng đất không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại nhà văn hoá bản Suối Mực; bản Pà Puộc trong thời gian thực hiện dự án; tổ chức thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*nếu có*) chuyển đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực X để chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sơn La có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bàn giao đất cho đơn vị thi công công trình thực hiện dự án.

3. Phòng Văn hoá - Xã Hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của xã.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND;
- Lưu: VT, PKT (20b).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Thành

DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT

Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án:

Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La

(Phạm vi tuyến đường thuộc địa giới hành chính xã Vân Hồ, đọt 1, đoạn 1,15km thuộc bản Suối Mực, bản Pà Puộc, xã Vân Hồ)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch UBND xã Vân Hồ)

STT	Họ và tên chủ hộ	Diện tích theo bản đồ trích đo địa chính thu hồi đất				Diện tích đất thu hồi có trong GCNQSD đất						Diện tích đất thu hồi ngoài GCNQSD đất	
		Số tờ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Họ và tên	Số tờ BĐ	Số thửa	Số seri	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (m2)	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (m2)
	TỔNG I+II			177.329,2	-	-	-	-	-	37.330,6	-	139.998,6	-
I	BẢN SUỐI MỰC			156.220,4	-	-	-	-	-	17.274,1	-	138.946,3	-
1	Bùi Văn Thiết	47	31	236,4	CLN							236,4	CLN
		47	43	2.032,8	CLN	Hà Thị Tươi	6/SD	9	O 527569	135,0	Đất ở	1.897,8	CLN
2	Hà Thị Thoa	47	33	426,8	ONT + CLN	Hà Văn Tình	6/SD	8	O 527578	224,0	Đất ở	202,8	CLN
3	Hà Văn Đắc	47	39	145,8	CLN							145,8	CLN
4	Hà Văn Miên	47	50	5.977,2	CLN							5.977,2	CLN
		47	88	192,2	CLN							192,2	CLN
5	Hà Văn Môn	47	21	233,2	ONT + CLN	Hà Văn Đăng	6/SD	14	O 527593	154,0	Đất ở	79,2	CLN
6	Hà Văn Phương	47	47	837,1	HNK	Ông Hà Văn Phương và bà Lò Thị Lý	TĐ/2017-3	1	CL 412267	207,0	ONT	630,1	HNK
7	Hà Văn Quang	47	10	14,6	LUC							14,6	LUC
		47	11	92,2	CLN							92,2	CLN
		47	14	189,3	HNK							189,3	HNK
		47	35	614,3	ONT + CLN	Hà Văn Quang	6/SD	5	O 527580	396,0	Đất ở	218,3	CLN
		47	44	1.099,4	CLN							1.099,4	CLN
		47	85	11.068,5	CLN	Hà Văn Quang	6/SD	5	O 527580	10.535,0	Trồng rừng	533,5	CLN
8	Hà Văn Quý	47	13	7.741,4	HNK							7.741,4	HNK
		47	20	20,4	NTS							20,4	NTS

STT	Họ và tên chủ hộ	Diện tích theo bản đồ trích đo địa chính thu hồi đất				Diện tích đất thu hồi có trong GCNQSD đất					Diện tích đất thu hồi ngoài GCNQSD đất		
		Số tờ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Họ và tên	Số tờ BĐ	Số thửa	Số seri	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (m2)	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (m2)
		47	25	372,1	ONT+CLN							372,1	CLN
		47	48	5.755,5	HNK							5.755,5	HNK
		47	55	1.558,5	HNK							1.558,5	HNK
		47	37	63,3	ONT	Hà Văn Thủy	6/SD	12	O 527570	63,3	Đất ở		
9	Hà Văn Thủy	47	43	69,1	CLN							69,1	CLN
		47	3	4.303,2	CLN							4.303,2	CLN
10	Lò Thị Loan	47	60	5.614,1	CLN							5.614,1	CLN
		47	80	5.226,1	CLN							5.226,1	CLN
		47	49	3.309,8	CLN	Lò Văn Dũng	5/SD	24	O 527596	1.925,0	Trồng rừng	1.384,8	CLN
11	Lò Văn Dũng	47	27	134,3	LUC							134,3	LUC
		47	29	151,3	LUC							151,3	LUC
		47	41	10.653,1	CLN	Lò Văn Dương	5/SD	25	O 527597	1.982,0	Trồng rừng	8.671,1	CLN
		47	32	30,6	LUC							30,6	LUC
		47	65	951,8	HNK							951,8	HNK
12	Lò Văn Hanh	47	53	2.074,0	CLN						2.074,0	CLN	
13	Lò Văn Hoàn	47	1	1.243,4	CLN							1.243,4	CLN
		47	61	711,2	HNK							711,2	HNK
		47	90	895,1	CLN							895,1	HNK
14	Lò Văn Hường	47	59	362,4	HNK							362,4	HNK
		47	63	3.910,0	HNK							3.910,0	HNK
		47	93	936,4	CLN							936,4	CLN
		47	71	996,7	HNK							996,7	HNK
		47	78	10.565,9	HNK							10.565,9	HNK
15	Lò Văn Sâm	47	7	1.060,7	HNK							1.060,7	HNK
		47	12	893,5	HNK							893,5	HNK
		47	19	41,2	NTS							41,2	NTS
		47	23	669,0	ONT+CLN	Lò Thị Đức	6/SD	15	O 527592	263,0	Đất ở	406,0	CLN

STT	Họ và tên chủ hộ	Diện tích theo bản đồ trích đo địa chính thu hồi đất				Diện tích đất thu hồi có trong GCNQSD đất						Diện tích đất thu hồi ngoài GCNQSD đất	
		Số tờ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Họ và tên	Số tờ BĐ	Số thửa	Số seri	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (m2)	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (m2)
		47	4	2.488,1	CLN							2.488,1	CLN
17	Hà Thị Đào	47	62	126,5	CLN							126,5	CLN
18	Ngân Văn Hoán	47	56	4.843,3	CLN							4.843,3	CLN
19	Ngân Văn Tiến	47	9	3.907,8	HNK							3.907,8	HNK
		47	51	4.917,0	CLN							4.917,0	CLN
20	Vi Thị Xuân	47	38	408,6	NTS	Hà Văn Chuyển	6/SD	10	O 527600	65,0	Ao	343,6	NTS
		47	40	139,4	CLN							139,4	CLN
		47	45	14,4	ONT + CLN							14,4	CLN
21	Vi Văn Khoa	47	58	855,0	NHK	Hà Văn Chuyển	4/SD	28	O 527600	855,0	Nương		
				4.003,4	HNK							4.003,4	HNK
22	Bùi Văn Nhung	47	76	55,0	HNK							55,0	HNK
		47	84	740,1	CLN							740,1	CLN
23	Lò Văn Hải	47	79	1.376,7	HNK							1.376,7	HNK
24	Ngân Văn Tinh	47	18	1.088,5	CLN							1.088,5	CLN
		47	24	39,7	NTS							39,7	NTS
		47	26	173,2	CLN							173,2	CLN
25	Ngân Văn Tuấn	47	70	443,7	HNK							443,7	HNK
		47	77	4.121,4	HNK							4.121,4	HNK
26	Ngân Văn Trọng	47	2	6.819,1	CLN							6.819,1	CLN
27	Lò Văn Long	47	94	646,4	HNK							646,4	HNK
28	Lò Văn Việt	47	68	1.773,5	HNK							1.773,5	HNK
29	Ngân Văn Hoan	47	8	1.283,8	HNK							1.283,8	HNK
		47	69	1.104,3	HNK							1.104,3	HNK
30	Lò Văn Mạnh	47	5	4.206,7	CLN							4.206,7	CLN
		47	30	10,5	ONT+CLN							10,5	CLN
31	Lò Văn Hưng	47	67	106,9	LUC							106,9	LUC
32	Lò Văn Hồng	47	46	159,0	CLN	Lò Văn Hồng	1/SD		O 527585		Trồng		

STT	Họ và tên chủ hộ	Diện tích theo bản đồ trích đo địa chính thu hồi đất				Diện tích đất thu hồi có trong GCNQSD đất						Diện tích đất thu hồi ngoài GCNQSD đất	
		Số tờ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Họ và tên	Số tờ BĐ	Số thửa	Số seri	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (m2)	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (m2)
		47	54	310,8	CLN			3		159,0	rừng		
		47	66	9.216,0	HNK					310,8	Trồng rừng		
											9.216,0	HNK	
33	Lò Văn Hiếm	47	15	216,3	HNK						216,3	HNK	
		47	16	82,4	LUK						82,4	LUK	
		47	17	20,4	LUK						20,4	LUK	
34	Lò Văn Cường	47	6	138,5	CLN						138,5	CLN	
		47	64	4.891,2	HNK						4.891,2	HNK	
35	Lò Thị Dung	47	73	1.387,9	HNK						1.387,9	HNK	
36	Hà Văn Chung	47	72	444,9	HNK						444,9	HNK	
		47	75	186,1	HNK						186,1	HNK	
II	BẢN PÀ PUỘC			21.108,8	-	-	-	-	-	20.056,5	-	1.052,3	-
1	Triệu Văn Sao	47	92	1.052,3	CLN						1.052,3	CLN	
2	Triệu Văn Thắng	47	81	733,1	CLN	Triệu Văn Thành	44/SD	9		733,1	Nương		
3	Bàn Văn Páo	47	83	1.524,2	CLN	Bàn Văn Sơn	35/SD	10		1.524,2	Trồng rừng		
4	Đặng Văn Kim	47	86	1.929,3	CLN	Đặng Văn Chung	35/SD	9		1.929,3	Trồng rừng		
5	Triệu Văn Dậu	47	87	8.987,5	CLN	Bàn Văn Sinh	35/SD	16	O 527481	8.987,5	Trồng rừng		
6	Triệu Văn Hềnh	47	91	5.876,6	CLN	Triệu Văn Hoa	35/SD	10	O 527444	5.876,6	Trồng rừng		
7	Lý Văn Thảo	47	82	1.005,8	CLN	Lý Văn Ngái	35/SD	10		1.005,8	Trồng rừng		